TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH K

Bản án số: 20/2021/DS-ST
Ngày: 06 – 4 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Nguyễn Văn Đoạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.** Địa chỉ: Số 169L, phường H, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông A. Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh K (Theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019, có mặt).

2. Bị đơn: **Bà H**, sinh năm 1948. Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện H, tỉnh K (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đ, sinh năm 1943 (vắng mặt);

- Anh H, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Cùng đại chỉ: ấp T, xã M, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/11/2009, bà H được Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H (sau đay gọi tắt là NHCSXH) cho vay số tiền 37.600.000 đồng (Ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) theo chương trình cho vay học sinh sinh viên, với lãi suất vay 0,5%/tháng, mục đích vay vốn: chi phí học tập cho sinh viên H (con bà H, ông Đ). Đến nay khoản vay đã quá hạn trả tiền gốc 37.600.000 đồng, tiền lãi 246.326 đồng, tổng cộng 37.846.326 đồng (Ba mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng).

Ngày 12/06/2010, bà H được NHCSXH cho vay số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) theo chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, với lãi suất vay: 0,9%/tháng, mục đích vay vốn: xây nhà vệ sinh và mua bồn nước, đến nay khoản vay đã quá hạn trả tiền gốc 1.000.000 đồng, tiền lãi 10.169 đồng, tổng cộng 1.010.169 đồng (một triệu không trăm mười nghìn một trăm sáu mươi chín đồng).

Ngày 19/09/2016, bà H tiếp tục được NHCSXH cho vay số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) theo chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo, với lãi suất vay: 0,6875%/tháng, mục đích vay vốn: buôn bán, đến nay khoản vay đã quá hạn trả tiền gốc 35.000.000 đồng, tiền lãi: 271.892 đồng, tổng cộng 35.271.892 đồng (Ba mươi lăm triệu ba hai trăm bảy mươi mốt nghìn tám trăm chín mươi hai đồng).

Sau nhiều lần NHCSXH thông báo và mời lên làm việc nhưng bà H và gia đình vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, NHCSXH khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H và ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/5/2020 là 74.128.387 đồng (Bảy mươi tư triệu một trăm hai mươi tám nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản vay trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2020, bị đơn bà H trình bày: Bà thừa nhận 03 lần vay Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H: Lần thứ nhất vay cho con đi học, lần thứ hai vay nước sạch vệ sinh môi trường và vay lần thứ ba vay chương trình hộ mới thoát nghèo. Bà thống nhất số tiền gốc còn nợ ngân hàng là 73.600.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25/5/2020 là 528.387 đồng. Hiện tại gia đình bà đang gặp khó khăn về kinh tế nên bà xin trả tiền lãi trước, còn tiền gốc bà xin trả từ từ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông Đ từ chối nhận và cho rằng ông không liên quan đến các khoản vay trên.

Anh H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng anh không có ý kiến trình bày tại Tòa.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của NHCSXH vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tính đến ngày 06/4/2021, tổng số tiền gốc và lãi bà H còn nợ ngân hàng là 74.819.247 đồng (Bảy mươi tư triệu tám trăm mười chín nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó nợ tiền gốc là 73.600.000 đồng, tiền lãi là 1.219.247 đồng.

Kiểm sát viên - đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, vụ án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, do đó cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NHCSXH về việc buộc vợ chồng bà H và ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/4/2021 là 74.819.247 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản vay trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Chính sách xã hội là tổ chức tín dụng ký kết hợp đồng cho bà H vay tổng số tiền 79.600.000 đồng (Bảy mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) với mục đích hỗ trợ kinh tế hộ gia đình và cho con em học tập, các bên ký kết hợp đồng không vì mục đích kinh doanh thu lợi nhuận nên căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: NHCSXH khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ vay ngân hàng, bà H có nơi cư trú tại ấp T, xã M, huyện H, tỉnh K, nên căn cứ theo quy định điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H, ông Đ và anh H vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông Đ và anh H.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay-thu nợ- dư nợ thì NHCSXH đã chấp thuận ký 03 hợp đồng tín dụng và giải ngân cho bà H số tiền như sau: (1) Ngày 12/11/2009, giải ngân số tiền 37.600.000 đồng (Ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) theo chương trình cho vay học sinh sinh viên, lãi suất 0,5%/tháng, lãi suất quá hạn 0,65%/tháng, hạn trả cuối cùng ngày 12/9/2018; (2) Ngày 12/06/2010, giải ngân số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) theo chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, lãi suất 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn 1,17%/tháng, hạn trả cuối cùng ngày 12/11/2017 và; (3) Ngày 19/09/2016, giải ngân số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng)

theo chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo, lãi suất 0,6875%/tháng, lãi suất quá hạn 1,8938%/tháng, hạn trả cuối cùng ngày 12/9/2020. Xét thấy các hợp đồng tín dụng nêu trên là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn trả nợ, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 468 Bộ luật Dân sự, do đó các hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Tính đến ngày nguyên đơn khởi kiện, bị đơn bà H mới trả được số tiền gốc 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) theo chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, còn lại số tiền gốc 73.600.000 đồng (Bảy mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 06/4/2021 là 1.219.247 đồng (Một triệu hai trăm mười chín nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng) chưa thanh toán. Xét thấy khi đến hạn trả nợ, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ không trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận hai bên ký kết trong hợp đồng, do đó căn cứ vào các quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NHCSXH về việc buộc bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc và lãi là 74.819.247 đồng (Bảy mươi tư triệu tám trăm mười chín nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

Đối với ông Đ là người ký tên "người thừa kế" trong sổ vay vốn cho rằng ông không liên quan đến số tiền bà H vay NHCSXH, nhưng xét thấy những khoản vay này nhằm mục đích hỗ trợ việc học tập của con ông Đ, bà H và nhằm mục đích phát triển kinh tế, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của hộ gia đình, nên căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, ông Đ là chồng của bà H phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà H trả cho NHCSXH số tiền gốc và lãi nêu trên.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 11 và khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, NHCSXH không phải chịu án phí và bà H, ông Đ được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các 91, 95, điểm a, khoản 3, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 463, 468và 688 Bộ luật Dân sự; khoản 2, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm c, khoản 1, Điều 11 và khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam về việc buộc bà H và ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả

cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H số tiền gốc 73.600.000 đồng (Bảy mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 06/4/2021 là 1.219.247 đồng (Một triệu hai trăm mười chín nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng), tổng cộng 74.819.247 đồng (Bảy mươi tư triệu tám trăm mười chín nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà H, ông Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Hoàng, bà Đào vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí và bà H, ông Đ được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn bà H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ và anh H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Gái **Nguyễn Văn Đoạt** **Nguyễn Thị Tuyết Mai**